

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Thông tư số 16/2012/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

2. Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

3. Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp và cho đến thời điểm cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 3 như sau:

“Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; bản kế hoạch dự kiến thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, trong đó có việc thực hiện quy định về công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn hàng hóa đối với vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1a Thông tư này).”.

4. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp điều chỉnh địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với doanh nghiệp bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này);

b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 (hai) năm liền kề trước đó;

đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 (hai) năm liền kề trước đó.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này);

b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.”.

6. Bổ sung Điều 9a sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng

1. Trường hợp thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng

a) Đối với doanh nghiệp hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

(ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc tài liệu chứng minh nội dung thay đổi của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Đối với tổ chức tín dụng hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

(ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp thay đổi trụ sở chính); văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng chấp thuận việc thay đổi tên chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch; văn bản của tổ chức tín dụng báo cáo việc thay đổi tên phòng giao dịch.

3. Trường hợp bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3b Thông tư này);

b) Tài liệu chứng minh địa điểm kinh doanh đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, hồ sơ gồm văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, trong đó nêu rõ lý do.”.

7. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 10 như sau:

“4a. Báo cáo tình hình thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ, trong đó báo cáo rõ việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 22 Thông tư này).”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 6a Thông tư này).”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này).

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).

5. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

10. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).

4. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) (theo mẫu tại Phụ lục 8 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 như sau:

“Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm; cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu”.

13. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 15 như sau:

“1a. Đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh đối với doanh nghiệp và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong